



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2024 - 2025
Khoa: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T5)							
1	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0718001365	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cung cấp điện (ĐĐT)	0211000236	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử công nghiệp (ĐĐT)	0211000038	Tự luận	90'		x	
3	Điện tử công suất (TĐH)	0211000039	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Điện tử tương tự (TĐH)	0211001291	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Hệ thống cơ điện tử (CĐT)	0211003298	Tiểu luận				
6	Kỹ thuật chiếu sáng (ĐCN)	0211000081	Tự luận	90'		x	
7	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0211001419	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Kỹ thuật Robot (TĐH)	0211000373	Tiểu luận				
9	Kỹ thuật thủy lực - khí nén (CĐT)	0211001873	Tự luận	90'		x	
10	Lập trình PLC (CĐT, ĐĐT, ĐCN)	0211001287	Tự luận	90'		x	
11	Tính toán và sửa chữa máy điện (ĐCN)	0211001422	Tự luận	90'	x		
12	Trang bị điện (ĐCN)	0211000295	Tự luận	90'		x	
13	Tự động hóa quá trình công nghệ (TĐH)	0211000212	Tự luận	90'		x	
14	Vi xử lý (CĐT, ĐĐT)	0211000222	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Điện tử tương tự (TĐH)	0204001291	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Kỹ thuật bảo trì bảo dưỡng (ĐCN)	0204002727	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
3	Kỹ thuật Robot (CĐT, TĐH)	0204000373	Tiểu luận				
4	Năng lượng tái tạo (ĐĐT, ĐCN)	0204002256	Tiểu luận				
5	Quản lý tòa nhà (ĐCN)	0204002265	Tiểu luận				
6	Truyền động điện và ứng dụng (CĐT)	0204000209	Tự luận	90'		x	
7	Tự động hóa quá trình công nghệ (ĐĐT)	0204000212	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (C8)							
1	Năng lượng tái tạo (ĐCN)	0223002256	Tiểu luận				
2	Điện công nghiệp (ĐCN)	0223000036	Tự luận	90'		x	
3	Điện tử công suất (ĐCN)	0223000039	Trắc nghiệm	50'		x	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cung cấp điện (ĐCN)	0211000236	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử công suất (ĐĐT)	0211000039	Trắc nghiệm	50'		x	
3	Kỹ thuật số (CĐT, ĐĐT, ĐCN)	0211000091	Trắc nghiệm	50'		x	
4	Máy điện (ĐĐT)	0211001388	Tự luận	90'		x	
5	Trang bị điện (ĐCN, ĐĐT)	0211000295	Tự luận	90'		x	
2024 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (24C8)							
1	Cung cấp điện (ĐCN)	0223000236	Tự luận	90'		x	
2	Kỹ thuật số (ĐCN)	0223000091	Trắc nghiệm	50'		x	
3	Trang bị điện (ĐCN)	0223000295	Tự luận	90'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cung cấp điện (ĐĐT)	0714001676	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử công suất (TĐH)	0714000039	Tự luận	90'		x	
3	Kỹ thuật Cơ điện tử (CĐT)	0714002290	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0714001688	Tự luận	90'		x	
2	Kỹ thuật thủy lực - khí nén (CĐT)	0714002291	Tự luận	90'		x	
3	Trang bị điện (ĐCN)	0714000295	Tự luận	90'		x	
4	Trang bị điện (ĐĐT)	0714001683	Tự luận	90'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn điện (ĐCN)	0714001667	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Điện tử công nghiệp (ĐTC)	0714001691	Tự luận	90'		x	
3	Điện tử công suất (TĐH)	0714000039	Tự luận	90'		x	
4	Kỹ thuật Cơ điện tử (CĐT)	0714002290	Tự luận	90'		x	
5	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0714001688	Tự luận	90'		x	
6	Kỹ thuật thủy lực - khí nén (CĐT)	0714002291	Tự luận	90'		x	
7	Lập trình PLC (ĐĐT)	0714002287	Tự luận	90'		x	
8	Lập trình PLC (TĐH, ĐTC)	0714001674	Tự luận	90'		x	
9	Máy điện (ĐCN, ĐĐT, TĐH)	0714002072	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Trang bị điện (ĐCN)	0714000295	Tự luận	90'		x	
11	Tự động hóa quá trình công nghệ (TĐH)	0714002720	Tự luận	90'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2024 - 2025
Khoa: XÂY DỰNG - NHIỆT LẠNH

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Bơm - Quạt - Máy nén	0211001425	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Điều hòa không khí ô tô (CNL, KML)	0211001429	Thực hành				
3	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét (KXD)	0211002104	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Kết cấu bê tông - cốt thép 1 (KXD)	0211002239	Tự luận	90'		x	
5	Kinh tế xây dựng (KXD)	0211002478	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Máy và thiết bị lạnh (CNL)	0211002135	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Thiết kế sơ bộ hệ thống điều hòa không khí (CNL, KML)	0211002296	Tiểu luận				
8	Tổ chức thi công (KXD)	0211001844	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Chuyên đề máy lạnh (KML)	0204001435	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng (VSL)	0204002209	Tự luận	90'	x		
3	Đấu thầu và tổ chức đấu thầu (KXD)	0204002109	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Định giá và quản lý chi phí dự án xây dựng (KXD)	0204002613	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kỹ thuật sấy (KML)	0204000090	Tự luận	90'	x		
6	Lò hơi (CNL)	0204000898	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Thiết kế kho lạnh (CNL)	0204000857	Tự luận	90'	x		
8	Thông gió và xử lý khí thải (KML)	0204002417	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh (LĐL)	0204002726	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Tự động hóa hệ thống lạnh (KML)	0204001440	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh (LĐL)	0204001430	Trắc nghiệm	60'		x	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cơ sở kỹ thuật lạnh (CNL, KML)	0211001346	Tự luận	90'	x		
2	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét (KXD)	0211002104	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
3	Sức bền vật liệu (KXD)	0211003810	Tự luận	90'		x	
4	Trắc địa đại cương (KXD)	0211001908	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Trang bị điện hệ thống lạnh (CNL, KML)	0211001347	Tự luận	90'		x	
6	Vẽ kỹ thuật (KXD)	0211003809	Tiểu luận				
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Bơm - Quạt - Máy nén (KML, VSL)	0714001659	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Điều hòa không khí ô tô (KML, VSL)	0714001877	Thực hành				
3	Kỹ thuật điều hòa không khí (KML)	0714001930	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh (VSL)	0714000893	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kết cấu bê tông - cốt thép (KXD)	0714002375	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Kết cấu thép (KXD)	0714002380	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kiến trúc công trình (KXD)	0714002177	Tự luận	60'		x	
4	Máy và thiết bị lạnh (VSL)	0714002293	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Trang bị điện hệ thống lạnh (KML)	0714001655	Tự luận	90'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cấu tạo kiến trúc (KXD)	0714003857	Tự luận	60'		x	
2	Đo bóc khối lượng công trình (KXD)	0714003856	Tự luận	60'		x	
3	Kết cấu bê tông cốt thép 1 (KXD)	0714003855	Trắc nghiệm	60		x	
4	Kỹ thuật điều hòa không khí (LĐL, KML, VSL)	0714001930	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Tính toán thiết bị trao đổi nhiệt (LĐL, KML, VSL)	0714002411	Tự luận	90'	x		

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Hồng Minh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2 /2024 - 2025
Khoa: CƠ KHÍ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Công nghệ chế tạo máy (CCK)	0211000861	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Lập trình CNC (CCK)	0211001453	Thi trên máy tính	120'		x	
3	Máy cắt kim loại (CCK)	0211001234	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (CĐT)	0211001250	Tự Luận	90'	x		
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (CTM)	0211001253	Tự Luận	90'	x		
5	Sức bền vật liệu (CNÔ)	0211000141	Tự Luận	90'	x		
6	Thiết kế CAD cơ bản (CĐT)	0211001955	Tiểu luận				
	Trang bị điện trong máy cắt kim loại (CCK)	0211000780	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Vật liệu học (CTM)	0211001194	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Nguyên lý - Chi tiết máy (CTM)	0204002184	Tự Luận	90'	x		
2	Nguyên lý cắt kim loại (CCK)	0204000273	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Robot công nghiệp (CCK)	0204003204	Tự luận	90'	x		
4	Thiết kế CAD cơ bản (CKL)	0204001955	Tiểu luận				
5	Tổ chức quá trình gia công cơ khí (CTM)	0204003171	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0201002184	Tự Luận	90'	x		
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	An toàn lao động (CCK, CTM)	0211000949	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Cơ kỹ thuật (CCK, CTM)	0211002030	Tự Luận	90'	x		
3	Dung sai - Kỹ thuật đo (CCK, CTM)	0211000769	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (CĐT)	0211002184	Tự Luận	90'	x		
5	Thiết kế CAD cơ bản (CCK)	0211001955	Tiểu luận				
6	Tối ưu hóa quá trình cắt gọt kim loại (CTM)	0211002493	Tiểu luận				
7	Vật liệu học (CTM)	0211001194	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Máy cắt kim loại (CCK)	0714001652	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Công nghệ chế tạo máy (CCK)	0714000778	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Công nghệ chế tạo máy 1 (CTM)	0714000029	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Dung sai - Vẽ kỹ thuật (CNÔ)	0714002301	Tự luận	120'		x	
4	Máy cắt kim loại (CCK, CTM)	0714001652	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Nguyên lý cắt kim loại (CCK)	0714002191	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Vật liệu học (CTM)	0714001088	Trắc nghiệm	60'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Công nghệ chế tạo máy (CCK)	0714003179	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Lập trình CNC (CCK)	0714001639	Thi trên máy tính	120'		x	
3	Nguyên lý cắt kim loại 1 (CKL)	0714003858	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Nguyên lý cắt kim loại 2 (CKL)	0714001646	Trắc nghiệm	60'		x	

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Hồng Minh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2024 - 2025
Khoa: ĐỘNG LỰC

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Thực hành kỹ thuật lái và chăm sóc xe ô tô (CNÔ)	0211003343	Thực hành				
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại (CNÔ)	0204001481	Tiểu luận				
2	Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường (CNÔ)	0204000069	Tiểu luận				
3	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0204000135	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG CLC (23C3)							
1	Thực hành Đồng - Sơn Ô tô (CNÔ)	0201003344	Thực hành				
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Hệ thống điện và điện tử ô tô (CNÔ)	0211001473	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Kỹ thuật lái và chăm sóc xe ô tô (CNÔ)	0211003766	Thực hành				
3	Lý thuyết gầm Ô tô (CNÔ)	0211001629	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Động cơ cơ bản (CNÔ)	0211003698	Thực hành				
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hệ thống điện và điện tử Ô tô (CNÔ)	0714001621	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Lý thuyết gầm Ô tô (CNÔ)	0714001629	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



* Đinh Hồng Minh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2024 - 2025
Khoa: MAY - THỜI TRANG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Công nghệ CAD ngành may (MTT)	0211002331	Thi trên máy tính	90'		x	
2	Công nghệ sản xuất thời trang (MTT)	0211003519	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Marketing hàng may mặc (MTT)	0211002385	Tự luận	90'		x	
4	Thiết kế trang phục 2 (MTT)	0211000150	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Marketing hàng may mặc (CNM)	0204003624	Tự luận	90'		x	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Thiết kế trang phục (MTT)	0211003805	Tự luận	90'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Thiết kế mẫu trên máy tính (CNM)	0714002442	Thi trên máy tính	90'		x	
2	Thiết kế trang phục 2 (CNM)	0714000150	Tự luận	90'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Thiết kế tạo mẫu thời trang (MTT)	0714003520	Tự luận	90'		x	
2	Thiết kế trang phục 1 (MTT)	0714000909	Tự luận	90'		x	
3	Thiết kế trang phục 2 (MTT)	0714000150	Tự luận	90'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2024 - 2025
Khoa: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Đồ họa chuyển động kỹ thuật số (ĐHĐ)	0211003549	Tiểu luận				
2	Hệ thống mạng (CMT)	0211002922	Tiểu luận				
3	Lập trình cơ sở dữ liệu (LTM)	0211002881	Trắc nghiệm trên giấy	60'		x	
4	Lập trình game (LTM)	0211003004	Thi trên máy tính	120'	x		
5	Lập trình Java (LTM)	0211002859	Thi trên máy tính	120'	x		
6	Linux căn bản (CMT)	0211002994	Trắc nghiệm online	60		x	
7	Phân tích và thiết kế hệ thống (LTM, CMT)	0211002987	Tiểu luận				
8	Quản trị mạng trên Linux (QTM)	0211002950	Trắc nghiệm online	60		x	
9	Quản trị mạng trên Microsoft (QTM)	0211003014	Tiểu luận				
10	Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu (TKĐ)	0211003030	Tiểu luận				
11	Thiết kế quảng cáo (ĐHĐ)	0211002932	Tiểu luận				
12	Thiết kế sự kiện (TKĐ)	0211002931	Tiểu luận				
13	Thiết kế trang Web (CMT)	0211002990	Tiểu luận				
14	Thiết kế Web (TKĐ)	0211003001	Thi trên máy tính	120'	x		
15	Tin học (CNÔ, CNL, KML, NNA)	0211002028	Thi trên máy tính	90'		x	
16	Vẽ tạo hình game, hoạt hình 2D, 3D (ĐHĐ)	0211003551	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	An toàn mạng trên Linux (ANM)	0204003584	Tiểu luận				
2	Công nghệ lập trình Web (TKW)	0204003597	Tiểu luận				
3	Dựng video (THU, TKĐ, ĐHĐ)	0204003108	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
4	Kỹ thuật hack (QTM)	0204002354	Tiểu luận				
5	Kỹ thuật SEO Web (TKW)	0204002387	Trắc nghiệm trên giấy	60'		x	
6	Lập trình game (LTM)	0204003004	Thi trên máy tính	120'	x		
7	Lập trình mạng (LTM)	0204003221	Thi trên máy tính	120'	x		
8	Lập trình trên thiết bị di động với Android (THU)	0204003505	Thi trên máy tính	120'	x		
9	Thiết kế Animation 4D (TKĐ)	0204003201	Tiểu luận				
10	Thiết kế trang Web (ANM)	0204002990	Tiểu luận				
11	Thiết kế trang Web (QTM)	0204002990	Tiểu luận				
12	Vẽ tạo hình game, hoạt hình 2D,3D (ĐHĐ)	0204003591	Tiểu luận				
13	Xử lý sự cố phần mềm (CMT)	0204002991	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO (23C3)							
1	Tin học (CNÔ)	0201002028	Thi trên máy tính	90'		x	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Kỹ thuật lập trình (CMT, LTM)	0211002825	Tự luận	90'		x	
2	Nghệ thuật chữ (TKĐ)	0211002969	Tiểu luận				
3	Nghệ thuật trang trí (ĐHĐ)	0211003831	Tiểu luận				
4	Nguyên lý tạo hình (TKĐ)	0211002872	Tiểu luận				
5	Thiết bị mạng (QTM)	0211003007	Tiểu luận				
6	Thiết kế Web (LTM)	0211003001	Tiểu luận				
7	Tin học (MTT, KLB, CNL, KML, NNA, KTD, LGT)	0211003667	Thi trên máy tính	90'		x	
8	Ý tưởng sáng tạo (ĐHĐ, TKĐ)	0211002871	Tiểu luận				
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn mạng trên Cisco (ANM)	0714002909	Tiểu luận				
2	Hệ thống mạng (CMT)	0714002922	Tiểu luận				
3	Lập trình APS.NET (TKW)	0714002964	Thi trên máy tính	120'	x		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
4	Lập trình PHP (LTM, THU)	0714002942	Tiểu luận				
5	Lập trình PHP (TKW)	0714002961	Tiểu luận				
6	Phần cứng và mạng máy tính (ĐHĐ, LTM)	0714002867	Trắc nghiệm online	60'		x	
7	Quản trị mạng trên Linux (QTM)	0714002950	Trắc nghiệm online	60'		x	
8	Thiết kế quảng cáo (ĐHĐ, TKĐ)	0714002932	Tiểu luận				
9	Thiết kế sự kiện (ĐHĐ)	0714002931	Tiểu luận				

2023 TRUNG CẤP (T4)

1	Cơ sở dữ liệu (THU)	0714002845	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử cơ bản (CMT)	0714002916	Trắc nghiệm online	60'		x	
3	Hệ thống mạng (CMT)	0714002922	Tiểu luận				
4	Kỹ thuật lập trình (ĐHĐ)	0714002901	Tự luận	90'		x	
5	Kỹ thuật số (CMT)	0714002917	Trắc nghiệm online	60'		x	
6	Kỹ thuật soạn thảo văn bản (THU)	0714002955	Tự luận	90'		x	
7	Lập trình hướng đối tượng (LTM, TKW)	0714002939	Thi trên máy tính	120'	x		
8	Nghệ thuật chữ (TKĐ)	0714002969	Tiểu luận				
9	Quản trị mạng trên Linux (QTM)	0714002950	Trắc nghiệm online	60'		x	
10	Thiết kế Web (LTM, THU, TKW)	0714002929	Thi trên máy tính	120'	x		
11	Thiết lập hệ thống mạng (QTM)	0714002946	Tiểu luận				
12	Tin học (CĐT, KML, ĐĐT, ĐCN, VSL)	0714002070	Thi trên máy tính	90'		x	
14	Ý tưởng sáng tạo (TKĐ)	0714002871	Tiểu luận				

2024 TRUNG CẤP (T4)

1	Cơ sở dữ liệu (ANM, QTM, LTM, THU, TKW)	0714002845	Tự luận	90'		x	
2	Kỹ thuật hack (ANM)	0714002907	Tiểu luận				
3	Kỹ thuật lập trình (ĐHĐ)	0714002901	Tự luận	90'		x	
4	Kỹ thuật số (CMT)	0714003866	Trắc nghiệm online	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
5	Lập trình cơ sở dữ liệu (LTM)	0714003092	Trắc nghiệm trên giấy	60'		x	
6	Lập trình hướng đối tượng (LTM,TKW)	0714002999	Trên máy tính	120'	x		
7	Linux căn bản (ANM)	0714002850	Trắc nghiệm online	60'		x	
8	Mạng máy tính và quản trị mạng (CMT)	0714002903	Trắc nghiệm online	60'		x	
9	Nguyên lý tạo hình (TKĐ)	0714002872	Tiểu luận				
10	Quản trị mạng hệ điều hành Linux (THU)	0714003869	Thực hành				
11	Quản trị mạng trên Linux(QTM)	0714003865	Trắc nghiệm online	60'		x	
12	Sửa chữa máy tính(CMT)	0714003867	Tiểu luận				
13	Thiết bị mạng (QTM)	0714002948	Tiểu luận				
14	Thiết kế UI/UX (THU)	0714003439	Tiểu luận				
15	Thiết kế Web (LTM, THU, TKW)	0714002929	Thi trên máy tính	120'	x		
16	Thiết lập hệ thống mạng (ANM, QTM)	0714002946	Tiểu luận				
17	Tin học (CCK, CKL, CĐT, TĐH, CNÔ, KLB, KML, KTD, LĐL, KXD, LGT, MTT, QKS, QTD, TMĐ, VSL)	0714003675	Thi trên máy tính	90'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2024 - 2025
Khoa: KINH TẾ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế (LGT)	0211002460	Tự luận	60'		x	
2	Hành vi tổ chức (QTD)	0211001315	Tự luận	90'	x		
3	Hệ sinh thái thương mại điện tử (TMĐT)	0211002836	Tư luận	60'	x		
4	Kế toán tài chính 2 (KTD)	0211003301	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Nghiệp vụ hải quan (LGT)	0211002356	Tiểu luận	90'			
6	Nhận thức về hàng hóa nguy hiểm (LGT)	0211002465	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm (TMĐT)	0211002835	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Quản trị doanh nghiệp (QTD)	0211002454	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Quản trị học (KTD)	0211002048	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Quản trị Marketing (QTD)	0211002451	Tự luận	90'		x	
11	Quản trị rủi ro thương mại điện tử (TMĐT)	0211003126	Tự luận	90'	x		
12	Quản trị tác nghiệp TMĐT B2B và B2C (TMĐT)	0211003446	Trắc nghiệm	60'		x	
13	Quản trị văn phòng (QTD)	0211002453	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Quản trị xuất nhập khẩu (LGT)	0211002047	Trắc nghiệm	60'		x	
15	Soạn thảo văn bản (KTD)	0211001835	Tự luận	90'		x	
16	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (QTD)	0211002232	Tự luận	90'		x	
17	Thuế (KTD)	0211002242	Tự luận	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
18	Thương mại điện tử (QTD)	0211002054	Trắc nghiệm	60'		x	
19	Vận tải đa phương thức (LGT)	0211002462	Tiểu luận				

2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)

1	Báo cáo thuế (KTD1, KTD2)	0204002016	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Đầu tư tài chính (TCD)	0204002630	Tự luận	90'	x		
3	Dịch vụ khách hàng (LGT)	0204002042	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Điều hành vận tải (LGT)	0204003264	Tự luận	90'		x	
5	Kế toán chi phí (KTD)	0204002145	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Kế toán ngân hàng (TCD)	0204003166	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Kinh doanh quốc tế (QTD)	0204002490	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Nghiệp vụ ngoại thương (LGT)	0204002459	Tự luận	60'		x	
9	Phân tích hoạt động kinh doanh (KTD1, KTD2)	0204002213	Tự luận	90'		x	
10	Quản trị chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử (TMĐ)	0204003336	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Quản trị tài nguyên nhân sự (QTD)	0204002488	Tự luận	90'	x		
12	Quản trị thương mại điện tử (TMĐ)	0204003926	Tự luận	90'		x	
13	Rủi ro bảo hiểm (LGT)	0204002461	Tự luận	60'		x	
14	Tài chính quốc tế (TCD)	0204002359	Trắc nghiệm	60'		x	
15	Thanh toán quốc tế (KTD)	0204002044	Tự luận	60'	x		
16	Thanh toán quốc tế (TCD)	0204003169	Tự luận	90'	x		
17	Thương mại di động (TMĐ)	0204003580	Trắc nghiệm	60'		x	

2024 CAO ĐẲNG (24C1)

1	Kế toán tài chính 1 (KTD)	0211003333	Trắc nghiệm	60'		x	
---	---------------------------	------------	-------------	-----	--	---	--

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2	Khai thác vận tải (LGT)	0211003824	Tiểu luận				
3	Kinh doanh quốc tế (QTD)	0211002466	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Kỹ thuật xếp dỡ và đóng gói (LGT)	0211003823	Tự luận	90'		x	
5	Nguyên lý kế toán (QTD, TMĐ)	0211003655	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Pháp luật thương mại điện tử (TMĐ)	0211003825	Tự luận	90'	x		
7	Quản trị tác nghiệp (QTD)	0211002140	Tự luận	90'		x	
8	Thuế (KTD)	0211000460	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Thuế (LGT)	0211002242	Trắc nghiệm	60'		x	

2022 TRUNG CẤP (T4)

1	Chiến lược và chính sách kinh doanh (QTD)	0714002226	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế (LGT)	0714002357	Tự luận	90'		x	
3	Kế toán hành chính sự nghiệp (KTD)	0714002338	Tự luận	60'		x	chỉ được sử dụng Bảng Hệ thống TK
4	Kinh tế vĩ mô (TCD)	0714002052	Tự luận	90'		x	
5	Nghiệp vụ hải quan (LGT)	0714002356	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Phân tích báo cáo tài chính (QTD)	0714001906	Tự luận	90'		x	
7	Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm (TMĐ)	0714002835	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Quản trị tác nghiệp (QTD)	0714001729	Tự luận	90'		x	
9	Quản trị thương hiệu điện tử (TMĐ)	0714002834	Tiểu luận				
10	Tài chính công (TCD)	0714002341	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Thuế (TCD)	0714003395	Trắc nghiệm	60'		x	

2023 TRUNG CẤP (T4)

1	Eán lẻ điện tử (TMĐ)	0714002838	Trắc nghiệm	60'		x	
---	----------------------	------------	-------------	-----	--	---	--

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế (LGT)	0714002357	Tự luận	90'		x	
3	Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối (LGT)	0714002353	Tự luận	90'		x	
4	Kế toán tài chính 2 (KTD)	0714003397	Trắc nghiệm	90'		x	
5	Khởi nghiệp kinh doanh TMĐT (TMĐ)	0714003450	Tiểu luận				
6	Marketing căn bản (KTD)	0714002001	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Nguyên lý kế toán (QTD)	0714002022	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Quản trị tác nghiệp TMĐT B2B và B2C (TMĐ)	0714003446	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Quản trị thương mại điện tử (TMĐ)	0714003438	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Quản trị văn phòng (QTD)	0714001728	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Quản trị xuất nhập khẩu (LGT)	0714002047	Trắc nghiệm	60'		x	
12	Soạn thảo văn bản (QTD)	0714002080	Tự luận	90'		x	
13	Tài chính – tiền tệ (KTD)	0714001052	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (QTD)	0714002346	Tự luận	90'		x	
15	Thuế (KTD)	0714003398	Trắc nghiệm	60'		x	

2024 TRUNG CẤP (T4)

1	Báo cáo thuế (KTD)	0714002016	Tự luận	90'		x	
2	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế (LGT)	0714003724	Tự luận	90'		x	
3	Hành vi tổ chức (QTD)	0714002174	Tự luận	90'		x	
4	Kế toán doanh nghiệp (QTD)	0714001723	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kế toán tài chính 1 (KTD)	0714003333	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Kế toán trên Excel (KTD)	0714002146	Thi trên máy tính	90'		x	
7	Khai thác vận tải (LGT)	0714003725	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
8	Kỹ năng phát triển cá nhân (KTD)	0714003688	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Luật kinh tế (KTD, QTD)	0714002082	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Mạng và truyền thông (TMĐ)	0714003747	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Marketing điện tử (TMĐ)	0714003748	Trắc nghiệm	60'		x	
12	Quản trị bán hàng (QTD)	0714003686	Tự luận	90'		x	
13	Quản trị chuỗi cung ứng (QTD)	0714002455	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Quản trị chuỗi cung ứng trong TMĐT (TMĐ)	0714003749	Trắc nghiệm	60'		x	
15	Quản trị dự án đầu tư (QTD)	0714003832	Tự luận	90'		x	
16	Quản trị học (LGT)	0714003656	Trắc nghiệm	60'		x	
17	Quản trị mua hàng (LGT)	0714003728	Trắc nghiệm	60'		x	
18	Quản trị tác nghiệp TMĐT B2B và B2C (TMĐ)	0714003579	Trắc nghiệm	60'		x	
19	Quản trị văn phòng (TMĐ)	0714000447	Trắc nghiệm	60'		x	
20	Thuế (LGT)	0714002242	Tự luận	60'		x	
21	Thương mại điện tử (KTD)	0714002083	Trắc nghiệm	60'		x	
22	Văn hóa doanh nghiệp (TMĐ)	0714002241	Trắc nghiệm	60'		x	
23	Vận tải đa phương thức (LGT)	0714003726	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2024 - 2025
Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Giáo dục quốc phòng và An ninh (CNÔ)	0211003651	Tiểu luận				

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2024 - 2025
Khoa: NGOẠI NGỮ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Kỹ năng thuyết trình (NTN)	0211003258	Vấn đáp	120'		x	
2	Ngữ pháp Tiếng Nhật 3 (NTN)	0211003514	Tự luận	90'		x	
3	Tiếng Hàn du lịch (NHQ)	0211003045	Tự luận	90'		x	
4	Tiếng Hàn thương mại (NHQ)	0211003044	Tự luận	90'		x	
5	Tiếng Hoa (NNA)	0211002473	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Tiếng Nhật du lịch (NTN)	0211003058	Vấn đáp	120'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa (NNA)	0204003614	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh Logistics (NNA)	0204002611	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh Quản trị (NNA)	0204002610	Trắc nghiệm	60'		x	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Biên phiên dịch 1 (NHQ)	0211003822	Tự luận	90'		x	
2	Đọc 1 (NHQ)	0211003820	Tự luận	60'		x	
3	Đọc 1 (NNA)	0211001258	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Nghe 1 (NHQ)	0211003818	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
5	Nghe 1 (NNA)	0211003811	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Nói 1 (NHQ)	0211003819	Vấn đáp	120'		x	
7	Nói 1 (NNA)	0211002237	Vấn đáp	120'		x	
8	Tiếng Anh Đàm phán (NNA)	0211003814	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Tiếng Hàn hành chính - văn phòng (NHQ)	0211003043	Tự luận	90'		x	
10	Viết 1 (NHQ)	0211003821	Tự luận	90'		x	
11	Viết 1 (NNA)	0211003812	Tự luận	60'		x	
2024 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (C8)							
1	Tiếng anh 1	0223003804	Trắc nghiệm	50'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Tiếng Anh Đàm phán (NNA)	0714002086	Trắc nghiệm	50'		x	
2	Tiếng Anh Kinh doanh (NNA)	0714001704	Trắc nghiệm	50'		x	
3	Tiếng Hàn hành chính - văn phòng (NHQ)	0714003043	Tự luận	50'		x	
4	Tiếng Hàn thương mại (NHQ)	0714003044	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Tiếng Hoa (NNA)	0714002373	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Tiếng Nhật du lịch (NTN)	0714003058	Vấn đáp	120'		x	
7	Tiếng Nhật văn phòng (NTN)	0714003059	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Độc (NNA)	0714001697	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2	Đọc hiểu Tiếng Hàn (NHQ)	0714003370	Tự luận	90'		x	
3	Đọc hiểu tiếng Nhật (NTN)	0714003384	Tự luận	90'		x	
4	Nói tiếng Hàn (NHQ)	0714003368	Vấn đáp	120'		x	
5	Nói tiếng Nhật (NTN)	0714003383	Vấn đáp	120'		x	
6	Tiếng Anh Thuyết trình (NNA)	0714002087	Vấn đáp	120'		x	
7	Văn hoá Hàn Quốc (NHQ)	0714003372	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Văn hoá Nhật Bản (NTN)	0714003386	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Viết (NNA)	0714002058	Tự luận	90'		x	
10	Viết tiếng Hàn (NHQ)	0714003371	Tự luận	90'		x	
11	Viết tiếng Nhật (NTN)	0714003385	Tự luận	90'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Đọc 2 (NNA)	0714003852	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Đọc 1 (NTN)	0714003846	Tự luận	60'		x	
3	Đọc hiểu 1 (NHQ)	0714003736	Tự luận	90'		x	
4	Hán tự 2 (NTN)	0714003845	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kĩ năng làm bài TOPIK (NHQ)	0714003738	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Kỹ năng thuyết trình (NTN)	0714003258	Vấn đáp	120'		x	
7	Nghe 2 (NHQ)	0714003734	Tự luận	60'		x	
8	Nghe 2 (NNA)	0714003850	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
9	Nghe nói 2 (NTN)	0714003844	Tự luận	90'		x	
10	Ngữ pháp 2 (NHQ)	0714003733	Tự luận	90'		X	
11	Ngữ pháp 2 (NTN)	0714003746	Tự luận	90'		x	
12	Ngữ pháp Tiếng Anh 2 (NNA)	0714003848	Trắc nghiệm	60'		x	
13	Nói 2 (NHQ)	0714003735	Vấn đáp	120'		x	
14	Nói 2 (NNA)	0714003851	Vấn đáp	120'		x	
15	Tiếng Anh Đàm phán (NNA)	0714003814	Trắc nghiệm	60'		x	
16	Tiếng Anh Du lịch và Khách sạn (NNA)	0714003853	Trắc nghiệm	60'		x	
17	Văn hoá Hàn Quốc (NHQ)	0714003372	Tự luận	90'		x	
18	Văn hóa Nhật Bản (NTN)	0714003515	Trắc nghiệm	60'		x	
19	Viết 1 (NHQ)	0714003737	Tự luận	90'		x	
20	Viết 1 (NNA)	0714003849	Tự luận	60'		x	

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2024 - 2025
Khoa: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Pháp luật (CĐT, ĐĐT, ĐCN, CNL, KML, NNA, KTD, LGT, QNH)	0211002396	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (23C8)							
1	Pháp luật (ĐCN)	0223002396	Trắc nghiệm	60'		x	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Pháp luật (CCK, CTM, KLB, CNL, KML, NNA, KTD, LGT)	0211001402	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Giáo dục Chính trị (KLB, CĐT, ĐCN, ĐĐT, KTD, LGT, CMT, LTM, TKĐ)	0211003650	Trắc nghiệm	60'		x	
2024 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (24C8)							
1	Giáo dục Chính trị (ĐCN)	0223003650	Trắc nghiệm	60'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Giáo dục Chính trị (các ngành)	0714003670	Trắc nghiệm	60;		x	
2	Pháp luật (các ngành)	0714001065	Trắc nghiệm	60;		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2024 - 2025
Khoa: DU LỊCH - KHÁCH SẠN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Kỹ thuật trang điểm, cắm hoa (QNH)	0211002537	Thực hành				
2	Nghệp vụ lễ tân trong khách sạn (QKS)	0211002641	Thực hành				
3	Nghệp vụ buồng (QKS)	0211002642	Thực hành				
4	Nghệp vụ chế biến món ăn (QNH)	0211002655	Thực hành				
5	Nghệp vụ chế biến món ăn trong khách sạn (QKS)	0211002643	Thực hành				
6	Nghệp vụ phục vụ các loại tiệc (QNH)	0211002652	Thực hành				
7	Quản trị nhà hàng (QNH)	0211002651	Tiểu luận				
8	Quản trị tác nghiệp (KLB)	0211002600	Tự luận	90'		x	
9	Quản trị tiệc trong nhà hàng (QNH)	0211002654	Tự luận	90'		x	
10	Sinh lý dinh dưỡng (QNH)	0211002538	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Tâm lý khách du lịch (QKS)	0211002278	Tự luận	90'		x	
12	Văn hóa ẩm thực (QKS)	0211002536	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Chế biến bánh Việt Nam (KLB)	0204003573	Thực hành				
2	Đàm phán trong kinh doanh (QLH)	0204003575	Tự luận	90'	x		
3	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (KLB)	0204002596	Trắc nghiệm	60'	x		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
4	Điều hành chương trình du lịch (QDL)	0204002788	Tự luận	90'	x		
5	Nghệp vụ buồng (QKS)	0204003641	Thực hành				
6	Nghệp vụ chế biến món ăn trong khách sạn (QKS)	0204003642	Thực hành				
7	Nghệp vụ lễ hành trong quản trị du lịch Mice (QDL)	0204003647	Tự luận	90'		x	
8	Nghệp vụ lưu trú (QDL)	0204003648	Thực hành				
9	Nghệp vụ nhà hàng (KLB)	0204002769	Thực hành				
10	Nghệp vụ pha chế và phục vụ đồ uống trong nhà hàng (KLB)	0204003572	Thực hành				
11	Nghệp vụ tổ chức du lịch Mice (QKS)	0204002773	Thực hành				
12	Nghệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QNH)	0204002562	Thực hành				
13	Quản trị khu du lịch (QNH)	0204002742	Tự luận	90'	x		
14	Quản trị kinh doanh lễ hành (QLH)	0204003574	Thực hành				
15	Quản trị tiệc trong khách sạn (QKS)	0204003643	Thực hành				
16	Tâm lý kinh doanh nhà hàng (KLB)	0204002552	Trắc nghiệm	60'		x	
17	Tổ chức hoạt náo (QDL)	0204002782	Thực hành				
18	Tổ chức sự kiện (QNH)	0204002568	Thực hành				
19	Văn hóa ẩm thực (QKS)	0204002536	Tự luận	90'	x		
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (QKS)	0211002530	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Giao tiếp trong du lịch (KLB)	0211002529	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Lập kế hoạch kinh doanh (KLB)	0211002553	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
4	Nghệ thuật chế biến bánh Việt Nam (KLB)	0211003826	Thực hành				
5	Nghệ thuật nhà hàng trong khách sạn (QKS)	0211003827	Thực hành				

2022 TRUNG CẤP (T4)

1	Điều hành hoạt động hàng ngày trong nhà hàng (QNH)	0714002653	Tự luận	90'		x	
2	Nghệ thuật chế biến món ăn trong khách sạn (QKS)	0714002981	Thực hành	120'			
3	Nghệ thuật nhà hàng (KLB)	0714002791	Thực hành	120'			
4	Nghệ thuật phục vụ các loại tiệc (QNH)	0714002652	Thực hành	120'			
5	Quản trị các dịch vụ giải trí (QDL)	0714002775	Tự luận	90'	x		
6	Quản trị doanh nghiệp (QDL)	0714002774	Tự luận	90'	x		
7	Quản trị lễ tân (QKS)	0714002748	Tự luận	90'	x		
8	Quản trị tác nghiệp (KLB)	0714002790	Tự luận	90'		x	

2023 TRUNG CẤP (T4)

1	An ninh - an toàn trong nhà hàng, khách sạn (QNH)	0714002281	Tự luận	90'		x	
2	Định lý và tài nguyên du lịch (QDL)	0714002771	Tự luận	90'		x	
3	Điều hành hoạt động hàng ngày trong nhà hàng (QNH)	0714002653	Tự luận	90'		x	
4	Dinh dưỡng lý thuyết (KLB)	0714002285	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kỹ thuật trang điểm, cắm hoa (QNH)	0714002537	Thực hành	120'			
6	Marketing dịch vụ lưu trú (QKS)	0714002644	Tự luận	90'	x		
7	Nghệ thuật buồng (QKS)	0714002745	Thực hành	120'			
8	Nghệ thuật hướng dẫn du lịch (QDL)	0714002768	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
9	Nghệp vụ lễ tân trong khách sạn (QKS)	0714002979	Thực hành	120'			
10	Nghệp vụ nhà hàng (QNH)	0714002736	Thực hành	120'			
11	Nghệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QKS)	0714002562	Thực hành	120'			
12	Quản lý chất lượng (KLB)	0714002597	Tự luận	90'	x		
13	Quản trị du lịch MICE (QDL)	0714002767	Tự luận	90'		x	
14	Quản trị tác nghiệp (KLB)	0714002790	Tự luận	90'		x	
15	Sinh lý dinh dưỡng (QNH)	0714002538	Trắc nghiệm	60'		x	
16	Tổ chức sự kiện (QDL)	0714002534	Thực hành	120'			
17	Văn hóa ẩm thực (KLB)	0714002536	Trắc nghiệm	60'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	An ninh - an toàn trong nhà hàng, khách sạn (KLB, QKS, QNH)	0714002281	Tự luận	90'		x	
2	Lập kế hoạch kinh doanh (KLB)	0714003780	Tiểu luận				
3	Luật du lịch Việt Nam (QDL, QLH)	0714002531	Tự luận	60'	x		
4	Marketing du lịch (QDL, QLH)	0714002551	Trắc nghiệm	60'	x		
5	Nghệp vụ buồng (QKS)	0714003843	Thực hành	120'			
6	Nghệp vụ chế biến bánh Á (KLB)	0714003834	Thực hành	120'			
7	Nghệp vụ chế biến bánh mì (KLB)	0714003833	Thực hành	120'			
8	Nghệp vụ chế biến món ăn (KLB)	0714002738	Thực hành	120'			
9	Nghệp vụ chế biến món ăn (QNH)	0714002655	Thực hành	120'			
10	Nghệp vụ chế biến món tráng miệng (QNH)	0714003839	Thực hành	120'			

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
11	Nghiep vụ lễ tân trong khách sạn (QKS)	0714003842	Thực hành	120'			
12	Nghiep vụ lễ hành (QLH)	0714003838	Thực hành	120'			
13	Nghiep vụ nhà hàng trong khách sạn (QKS)	0714003827	Thực hành	120'			
14	Nghiep vụ phục vụ các loại tiệc (QNH)	0714003840	Thực hành	120'			
15	Nghiep vụ thanh toán (QDL, QLH)	0714003835	Tự luận	90'		x	
16	Nghiep vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QDL, QLH)	0714003692	Thực hành	120'			
17	Nghiep vụ văn phòng (QKS)	0714003663	Tự luận	90'		x	
18	Quản trị chất lượng dịch vụ (QKS)	0714003644	Tự luận	90'	x		
19	Quản trị du lịch MICE (QDL)	0714003836	Tự luận	90'		x	
20	Quản trị nhà hàng (QNH)	0714003841	Tự luận	90'		x	
21	Thiết kế và điều hành tour (QLH)	0714003311	Thực hành	90'			
22	Thiết kế và điều hành tour du lịch MICE (QDL)	0714003837	Tự luận	90'		x	
23	Tổ chức sự kiện (QNH)	0714002568	Thực hành	120'			

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

